

CĂN CỨ TẠM NGỪNG PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM THỰC TIẾN VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

PGS.TS. TRẦN THĂNG LONG *

NGUYỄN KIM YẾN **

Từ khóa: Căn cứ tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm; vụ án dân sự; Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận bài : 04/4/2022.

Biên tập xong : 15/4/2022.

Duyệt bài : 17/4/2022.

“ Từ những bất cập trong quy định về căn cứ tạm ngừng phiên tòa dân sự sơ thẩm do phải thay đổi Thư ký, thành viên Hội đồng xét xử; cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ và làm phát sinh chủ thể tố tụng mới; đương sự đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải; bài viết nêu ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện. ”

Tạm ngừng phiên tòa là một trong các quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015. Tạm ngừng phiên tòa được đặt ra trong trường hợp xuất hiện những lý do khách quan dẫn đến việc không thể tiếp tục phiên tòa theo đúng kế hoạch xét xử ban đầu. Khi tiếp tục tiến hành phiên tòa sau thời gian tạm ngừng thì Hội đồng xét xử không phải xét xử vụ án lại từ đầu mà xét xử tiếp theo phần đã tạm ngừng trước đó. Quy định này phù hợp với thực tiễn xét xử hiện nay, mục đích của việc tạm ngừng phiên tòa là nhằm tiết kiệm thời gian và giảm chi phí tố tụng, đẩy

nhanh tiến độ giải quyết vụ án, hạn chế được mâu thuẫn giữa các đương sự và bức xúc trong dư luận.

1. Bất cập trong quy định về căn cứ tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm

Một là, về căn cứ tạm ngừng phiên tòa do phải thay đổi Thư ký, thành viên Hội đồng xét xử. Theo điểm a khoản 1 Điều 259 BLTTDS năm 2015 thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa khi có một trong những người tiến hành tố

* Phó Trưởng khoa ngoại ngữ pháp lý, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

** Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

tụng không thể tiếp tục tiến hành phiên tòa vì lý do sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, trừ trường hợp có người thay thế.

Trong trường hợp Thư ký ghi biên bản phiên tòa vì lý do nêu tại điểm a khoản 1 Điều 259 BLTTDS năm 2015 nên không thể tiến hành tố tụng mà không có Thư ký dự khuyết thay thế thì phải tạm ngừng phiên tòa; việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản (khoản 2 Điều 259 BLTTDS năm 2015). Khi đó, ai là người ghi vào biên bản phiên tòa nội dung tạm ngừng phiên tòa do không có Thư ký thay thế? Pháp luật chưa có quy định cụ thể về vấn đề này nên mỗi Tòa án xử lý theo một cách khác nhau. Nếu một thành viên Hội đồng xét xử đại diện ghi vào biên bản phiên tòa nội dung trên thì có thể đảm bảo tính kịp thời, nhanh chóng, chính xác nhưng lại không đúng quy định, vì nhiệm vụ ghi biên bản phiên tòa không phải chức năng của thành viên Hội đồng xét xử. Còn nếu chờ Thư ký khắc phục được lý do dẫn đến tạm ngừng phiên tòa và ghi vào biên bản thì phù hợp với quy định của BLTTDS năm 2015 nhưng lại không kịp thời, chính xác¹.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp thay đổi người tiến hành tố tụng là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Hội thẩm nhân dân,

1. Lê Thị Nga (2021), "Quy định tạm ngừng phiên tòa tại Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - Một số vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4, tr.17.

Mục 6 Phần IV Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân (TAND) tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử hướng dẫn: Theo khoản 3 Điều 197 BLTTDS năm 2015, trường hợp đang xét xử mà không có Thẩm phán dự khuyết thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu và Tòa án phải thông báo cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp.

Tạm ngừng phiên tòa nhằm đảm bảo việc xét xử nhanh chóng, kịp thời, liên tục, nên khi mở lại phiên tòa, việc xét xử được bắt đầu tiếp nối ở thời điểm phiên tòa đã được tạm ngừng trước. Do đó, chúng tôi cho rằng, việc xét xử lại từ đầu vụ án bị tạm ngừng vì không có Thẩm phán hoặc Hội thẩm nhân dân dự khuyết để thay thế hoặc phải thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế vô hình trung làm mất ý nghĩa của việc tạm ngừng phiên tòa.

Hai là, về căn cứ tạm ngừng phiên tòa do cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ và làm phát sinh chủ thể tố tụng mới.

- Trường hợp phát sinh sự tham gia của Viện kiểm sát: Theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015 thì Viện kiểm sát phải tham gia các phiên tòa dân sự sơ thẩm khi: "... vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ...". Vấn đề đặt ra là: Trường hợp phiên tòa dân sự sơ thẩm đang diễn ra không thuộc trường hợp phải có sự tham gia của Viện kiểm sát; sau khi tạm ngừng

phiên tòa, Tòa án thực hiện việc xác minh, thu thập và bổ sung tài liệu, chứng cứ thì vụ án lại thuộc trường hợp phải có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát thì giải quyết như thế nào? Việc này sẽ làm phát sinh các hoạt động tố tụng khác như: Hồ sơ vụ án phải được chuyển cho Viện kiểm sát nghiên cứu và Viện kiểm sát phải ra quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa gửi cho Tòa án; Tòa án phải thông báo cho Viện kiểm sát thời gian tiếp tục phiên tòa...

Trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án phải gửi hồ sơ vụ án cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp; trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát phải nghiên cứu và trả lại hồ sơ cho Tòa án. Tuy nhiên, khi tạm ngừng phiên tòa, pháp luật không quy định Tòa án phải chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, dẫn đến việc Viện kiểm sát không kiểm sát được các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để đưa ra quan điểm tại phiên tòa.

Theo chúng tôi, khi chưa có văn bản hướng dẫn vấn đề này, để khắc phục thiếu sót của điều luật, sau khi tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ mà cần có sự tham gia của Viện kiểm sát theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án cần thông báo và gửi kèm theo hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Đồng thời, phiên tòa phải được mở lại từ đầu để đảm

bảo quyền tranh tụng của người tham gia tố tụng, quyền yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên theo Điều 60 BLTTDS năm 2015 và tính khách quan của Viện kiểm sát khi nêu quan điểm giải quyết vụ án theo Điều 262 BLTTDS năm 2015.

- Trường hợp phát sinh người tham gia tố tụng:

Phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường hợp tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, sau đó phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có yêu cầu độc lập thì giải quyết như thế nào? Ví dụ: Anh A và chị B yêu cầu ly hôn và chia tài sản khi ly hôn (quyền sử dụng đất). Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa phát sinh chị C. Chị C cung cấp cho Tòa án hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, người chuyển nhượng là B. Do đó, Tòa án phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đưa chị C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chị C có yêu cầu độc lập.

Khoản 2 Điều 201 BLTTDS năm 2015 quy định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chưa có văn bản hướng dẫn về việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới phát sinh sau khi

tạm ngừng phiên tòa có được quyền yêu cầu độc lập và Tòa án có mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hay không.

Có ý kiến cho rằng, tại thời điểm này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án, nên để đảm bảo quyền lợi của đương sự, Tòa án phải thụ lý đơn yêu cầu độc lập, mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với yêu cầu độc lập², thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, sau đó mới tiếp tục tiến hành mở phiên tòa. Đây là vấn đề cần bổ sung vào quy định của pháp luật hoặc có văn bản hướng dẫn cụ thể.

- Trường hợp phát sinh người làm chứng (đương sự đề nghị tạm ngừng phiên tòa do áp dụng căn cứ cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ để lấy lời khai và đưa người làm chứng vào tham gia tố tụng):

Ví dụ: Bà C khởi kiện vợ chồng ông M và bà N giao trả căn nhà số 281, ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh S cho bà C (bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất).

Ngày 06/11/2020, TAND huyện M đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa đang diễn ra thì người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà N đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành lấy lời khai của 02 người làm chứng là bà T và ông H do bà T, ông H biết nguồn gốc thửa đất. Lời đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được phía nguyên đơn chấp nhận. Nguyên đơn cho rằng không cần chứng minh nguồn gốc thửa đất, vì bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và bị đơn cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của bà C.

Theo chúng tôi, Hội đồng xét xử không cần tạm ngừng phiên tòa vì nguồn gốc đất đã rõ ràng, các bên đương sự cùng thừa nhận là của bà C. Đồng thời, theo mẫu Thông báo về việc thụ lý vụ án số 30-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự (Nghị quyết số 01/2017): Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có); trường hợp cần gia hạn thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do. Hết thời hạn 15 ngày nêu trên mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản

2. Thanh Tùng - Đình Nam (2020), “Một số vướng mắc khi áp dụng Điều 259 BLTTDS năm 2015 về tạm ngừng phiên tòa trong thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự”; <http://toaandaklak.gov.vn/trao-doi-nghiep-vu/mot-so-vuong-mac-khi-ap-dung-dieu-259-bo-luat-to-tung-dan-su-nam-2015-ve-tam-ngung-phiien-toa-trong-thuc-tien-xet-xu-so-tham-vuan-dan-su-5227.html>, truy cập ngày 03/4/2022.

về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo đó, trường hợp ông M, bà N hoặc người đại diện theo ủy quyền của mình muốn yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng (bà T, ông H) thì phải trình bày trực tiếp hoặc gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án hoặc trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để Tòa án triệu tập người làm chứng đến phiên tòa. Tuy nhiên, ông M, bà N và người đại diện theo ủy quyền không gửi văn bản nêu ý kiến và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì xem như ông M, bà N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án đã ban hành thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự vắng mặt. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà N đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành lấy lời khai của người làm chứng là cố tình trì hoãn phiên tòa, gây khó khăn và kéo dài thời gian công tác xét xử.

Ba là, về trường hợp các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải.

Khi phiên tòa diễn ra ở giai đoạn thủ

tục bắt đầu phiên tòa, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án theo khoản 1 Điều 246 BLTTDS năm 2015. Sau phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, các đương sự tự hòa giải, thỏa thuận được với nhau thì Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện này bằng hình thức nào? Hay giải thích cho các đương sự biết họ có quyền đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải? Sau khi hòa giải, thỏa thuận xong thì thủ tục tiếp theo Tòa án phải thực hiện là gì?³

Trường hợp vụ án đang ở giai đoạn tranh tụng hoặc nghị án, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau hoặc muốn tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không đề nghị tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử có được áp dụng Điều 246 BLTTDS năm 2015 trong giai đoạn thủ tục bắt đầu phiên tòa để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (quyết định sẽ có hiệu lực ngay và các đương sự không được thay đổi ý kiến) hay vẫn phải tiếp tục ban hành bản án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự?

3. Mai Văn Cường (2018), “*Khi tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì có phải mở lại phiên xét xử, hậu quả pháp lý*”, <https://lamdong.gov.vn/sites/vks/nghiepvukiemsat/huongdangnghienvu/SitePages/khi-tam-ngung-phiien-toa-theo-quy-dinh-tai-diem-d-khoan-1-dieu-259-bo-luat-to-tung-dan-su-nam-2015-thi-co-phai-mo-lai-phiien-xet-xu-hau-qua-phap-ly.aspx>, truy cập ngày 02/4/2022.

Nếu ban hành bản án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tức là các đương sự có quyền kháng cáo chống lại chính sự thỏa thuận của mình thì việc ghi nhận sự thỏa thuận trong bản án không còn giá trị. Còn trong trường hợp các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải, sau khi hòa giải và tạm ngừng phiên tòa thì Tòa án sẽ thực hiện thủ tục gì?

Theo cách thiết kế điều luật, Điều 246 BLTTDS năm 2015 (công nhận sự thỏa thuận của các đương sự) chỉ có thể áp dụng ngay trong phần đầu của thủ tục bắt đầu phiên tòa, mà không thể áp dụng trong suốt phiên tòa sơ thẩm. Do đó, chúng tôi cho rằng, khi đã hoàn tất thủ tục bắt đầu phiên tòa, các đương sự không thể yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải, bởi không có điều luật cụ thể để áp dụng.

- Trường hợp phải ra bản án để công nhận sự thỏa thuận của đương sự (bản án không có hiệu lực ngay), thì đương sự có quyền kháng cáo chống lại sự thỏa thuận đó. Trong khi chưa có văn bản hướng dẫn đối với trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án ở giai đoạn tranh tụng hoặc nghị án, Hội đồng xét xử có thể áp dụng các điều 263, 265 BLTTDS năm 2015 để trở lại việc hỏi và tranh luận, bởi việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm được quy định ở thủ tục hỏi. Khi đó, Hội đồng xét xử có thể áp dụng Điều 246 BLTTDS năm

2015 để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa để các đương sự tự hòa giải và thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án thì bước tiếp theo Tòa án sẽ thực hiện thủ tục tố tụng gì? Pháp luật chưa quy định vấn đề này nên để xảy ra một số bất cập sau:

- Trường hợp Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Mẫu số 38-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017: Sau 07 ngày kể từ khi lập biên bản hòa giải thành thì Thẩm phán sẽ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Mẫu số 38-DS và các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2,5%. Theo chúng tôi, việc Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Mẫu số 38-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017 là không hợp lý. Bởi lẽ, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, án phí các đương sự phải chịu là 5% (giống án phí một vụ án đã được xét xử). Do đó, ở phần tranh tụng hoặc nghị án, nếu các đương sự đề nghị tạm ngừng phiên tòa và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án thì không thể áp dụng mức án phí 2,5%. Mặt khác, lúc này vụ án đã được đưa ra xét xử, nên mọi hoạt động

xét xử của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đều thay mặt Hội đồng xét xử, mà không phải cá nhân Thẩm phán. Do đó, Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Nghị quyết số 01/2017 (dành cho Thẩm phán) trong trường hợp này là không phù hợp.

Đồng thời, theo Mẫu biên bản hòa giải thành số 36-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận thì phải có văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận như đã ghi nhận trong biên bản hòa giải thành thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trong thời gian 07 ngày đó, các đương sự có quyền thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận theo hướng dẫn trong mẫu biên bản hòa giải thành. Như vậy, Tòa án phải ra thông báo về việc thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận và gửi cho các đương sự; vụ án được tiếp tục xét xử do các đương sự thay đổi ý kiến.

- Trường hợp Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Mẫu số 39-DS, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017 (dành cho Hội đồng xét xử):

Theo chúng tôi, sau khi các đương sự

tự hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án lập biên bản hòa giải ghi nhận sự thỏa thuận, sau đó thông báo cho các đương sự và Viện kiểm sát về thời gian mở lại phiên tòa. Khi mở lại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành các thủ tục chung và hỏi các đương sự có thay đổi ý kiến đối với việc hòa giải và thỏa thuận được với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án hay không. Nếu không có ai thay đổi thì Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với một vụ án được xét xử bình thường là 5%. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự khi Thẩm phán ký là thay mặt Hội đồng xét xử. Do đó, việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa áp dụng mẫu quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (dành cho Hội đồng xét xử) là phù hợp.

2. Một số đề xuất, kiến nghị

Một là, trường hợp Thư ký ghi biên bản phiên tòa vắng mặt nhưng không có người thay thế:

Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn trường hợp tạm ngừng phiên tòa do Thư ký ghi biên bản phiên tòa vì lý do sức khỏe hoặc sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khác mà không thể tiếp tục tiến hành phiên tòa (trừ trường hợp có người thay thế được người tiến hành tố tụng) thì: Đại diện thành viên của Hội đồng xét xử ghi

nội dung tạm ngừng phiên tòa vào biên bản phiên tòa.

Hai là, trường hợp phát sinh sự tham gia của Kiểm sát viên: Trường hợp phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng Viện kiểm sát không tham gia ngay từ đầu thì căn quy định trường hợp này là ngoại lệ trong Điều 259 BLTTDS năm 2015; đồng thời, đưa trường hợp này về thủ tục hoãn phiên tòa, để các bước tố tụng sau đó được thực hiện một cách đầy đủ theo quy định chung. Cụ thể, cần bổ sung khoản 3 Điều 259 BLTTDS năm 2015 như sau: "... 3. Phiên tòa sơ thẩm không có Viện kiểm sát tham gia từ đầu, khi phải tiến hành xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo điểm c khoản 1 Điều này, thì Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa, mà quyết định hoãn phiên tòa, với căn cứ cần thu thập chứng cứ và đưa Viện kiểm sát vào tham gia phiên tòa".

Đồng thời, sau khi ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, mở lại phiên tòa, Tòa án cần gửi văn bản yêu cầu Kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015 và thực hiện thủ tục chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp để nghiên cứu trước khi mở phiên tòa.

Ba là, trường hợp phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng và có yêu cầu độc lập: Theo chúng tôi, Tòa án cần thụ lý đơn yêu cầu độc lập và thực hiện các thủ tục tố tụng.

Sau khi ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại, nên chúng tôi đề xuất Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với yêu cầu độc lập, ra thông báo kết quả phiên họp và gửi cho các đương sự vắng mặt (nếu có), thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, sau đó mới tiếp tục mở phiên tòa.

Bốn là, trường hợp các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải: Chúng tôi đề xuất sau khi các đương sự tự hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án lập biên bản hòa giải ghi nhận sự thỏa thuận, sau đó thông báo cho các đương sự và Viện kiểm sát về thời gian mở lại phiên tòa. Khi mở lại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành các thủ tục chung và hỏi các đương sự có thay đổi ý kiến về việc hòa giải và thỏa thuận được với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án hay không. Nếu không có ai thay đổi ý kiến và thống nhất giữ nguyên sự thỏa thuận thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận đó, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với một vụ án được xét xử bình thường là 5%; Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử ký quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. □